

**DANH SÁCH GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT (169 GCN)
ĐỊA CHỈ: KHU TÁI ĐỊNH CƯ HÒA LỢI, PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
1	HL.G28.7	1652	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600359	VP 53497	11/02/2026
2	HL.G28.8	1653	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600360	VP 53489	11/02/2026
3	HL.G28.9	1654	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600361	VP 53505	11/02/2026
4	HL.G28.10	1655	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600362	VP 53507	11/02/2026
5	HL.G28.11	1656	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600363	VP 53513	11/02/2026
6	HL.G28.12	1657	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600364	VP 53519	11/02/2026
7	HL.G28.13	1658	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600365	VP 53523	11/02/2026
8	HL.G28.14	1659	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600488	VP 53530	11/02/2026
9	HL.G28.15	1660	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600544	VP 53532	11/02/2026
10	HL.G28.16	1661	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600543	VP 53538	11/02/2026
11	HL.G28.17	1662	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600542	VP 53540	11/02/2026
12	HL.G28.18	1663	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600541	VP 53548	11/02/2026
13	HL.G28.19	1664	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600540	VP 53552	11/02/2026
14	HL.G28.20	1665	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600539	VP 53556	11/02/2026
15	HL.G28.21	1666	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600538	VP 53562	11/02/2026
16	HL.G28.22	1667	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600537	VP 53570	11/02/2026
17	HL.G28.23	1668	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600536	VP 53574	11/02/2026
18	HL.G28.24	1669	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600535	VP 53578	11/02/2026
19	HL.G28.25	1670	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600534	VP 53584	11/02/2026
20	HL.G28.26	1671	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600533	VP 53591	11/02/2026
21	HL.G28.27	1672	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600532	VP 53597	11/02/2026
22	HL.G28.28	1673	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600531	VP 53599	11/02/2026
23	HL.G28.30	1675	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600530	VP 53607	11/02/2026
24	HL.G28.31	1676	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600529	VP 53611	11/02/2026
25	HL.G28.32	1677	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600528	VP 53617	11/02/2026
26	HL.G28.33	1678	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600527	VP 53621	11/02/2026
27	HL.G28.34	1679	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600526	VP 53625	11/02/2026
28	HL.G28.35	1680	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600525	VP 53633	11/02/2026



Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
29	HL.G28.36	1681	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600524	VP 53637	11/02/2026
30	HL.G28.37	1682	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600523	VP 53641	11/02/2026
31	HL.G28.38	1683	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600522	VP 53647	11/02/2026
32	HL.G28.39	1684	37	150,00	82,00	246,80	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600521	VP 53653	11/02/2026
33	HL.G28.42	1724	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600520	VP 53655	11/02/2026
34	HL.G28.43	1723	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600519	VP 53661	11/02/2026
35	HL.G28.44	1722	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600518	VP 53671	11/02/2026
36	HL.G28.45	1721	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600517	VP 53675	11/02/2026
37	HL.G28.46	1720	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600516	VP 53679	11/02/2026
38	HL.G28.47	1719	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600515	VP 53686	11/02/2026
39	HL.G28.48	1718	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600514	VP 53690	11/02/2026
40	HL.G28.49	1717	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600513	VP 53694	11/02/2026
41	HL.G28.50	1716	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600512	VP 53698	11/02/2026
42	HL.G28.51	1715	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600511	VP 53708	11/02/2026
43	HL.G28.53	1713	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600510	VP 53716	11/02/2026
44	HL.G28.54	1712	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600509	VP 53722	11/02/2026
45	HL.G28.55	1711	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600508	VP 53726	11/02/2026
46	HL.G28.56	1710	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600507	VP 53728	11/02/2026
47	HL.G28.57	1709	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600506	VP 53732	11/02/2026
48	HL.G28.58	1708	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600505	VP 53736	11/02/2026
49	HL.G28.59	1707	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600504	VP 53738	11/02/2026
50	HL.G28.60	1706	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600503	VP 53740	11/02/2026
51	HL.G28.61	1705	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600502	VP 53744	11/02/2026
52	HL.G28.62	1704	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600501	VP 53746	11/02/2026
53	HL.G28.63	1703	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600500	VP 53748	11/02/2026
54	HL.G28.64	1702	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600499	VP 53750	11/02/2026
55	HL.G28.65	1701	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600498	VP 53752	11/02/2026
56	HL.G28.66	1700	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600497	VP 53754	11/02/2026
57	HL.G28.67	1699	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600496	VP 53756	11/02/2026
58	HL.G28.68	1698	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600495	VP 53758	11/02/2026
59	HL.G28.69	1697	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600494	VP 53760	11/02/2026
60	HL.G28.70	1696	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600493	VP 53762	11/02/2026



Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
61	HL.G28.71	1695	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600492	VP 53764	11/02/2026
62	HL.G28.72	1694	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600491	VP 53766	11/02/2026
63	HL.G28.73	1693	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600490	VP 53768	11/02/2026
64	HL.G28.74	1692	37	150,00	80,70	298,40	4	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600489	VP 53770	11/02/2026
65	HL.G15.1	2080	37	276,00	107,70	313,60	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600392	VP 53166	10/02/2026
66	HL.G15.2	2081	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600393	VP 53176	10/02/2026
67	HL.G15.3	2082	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600394	VP 53184	10/02/2026
68	HL.G15.4	2083	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600395	VP 53186	10/02/2026
69	HL.G15.5	2084	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600396	VP 53192	10/02/2026
70	HL.G15.6	2085	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600397	VP 53196	10/02/2026
71	HL.G15.7	2086	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600398	VP 53204	10/02/2026
72	HL.G15.8	2087	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600399	VP 53208	10/02/2026
73	HL.G15.9	2088	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600400	VP 53210	10/02/2026
74	HL.G15.10	2089	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600401	VP 53212	10/02/2026
75	HL.G15.11	2090	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600402	VP 53214	10/02/2026
76	HL.G15.12	2091	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600403	VP 53216	10/02/2026
77	HL.G15.13	2092	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600404	VP 53218	10/02/2026
78	HL.G15.14	2093	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600405	VP 53220	10/02/2026
79	HL.G15.16	2095	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600406	VP 53224	10/02/2026
80	HL.G15.17	2096	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600407	VP 53226	10/02/2026
81	HL.G15.18	2097	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600408	VP 53228	10/02/2026
82	HL.G15.19	2098	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600409	VP 53230	10/02/2026
83	HL.G15.20	2099	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600410	VP 53232	10/02/2026
84	HL.G15.21	2100	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600411	VP 53236	10/02/2026
85	HL.G15.22	2101	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600412	VP 53238	10/02/2026
86	HL.G15.23	2102	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600413	VP 53240	10/02/2026
87	HL.G15.24	2103	37	130,00	76,50	232,50	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600414	VP 53243	10/02/2026
88	HL.G15.25	2104	37	273,10	107,70	313,60	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600415	VP 53245	10/02/2026
89	HL.G15.26	2105	37	228,50	120,50	349,10	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600416	VP 53249	10/02/2026
90	HL.G15.27	2106	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600417	VP 53251	10/02/2026
91	HL.G15.28	2107	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600418	VP 53253	10/02/2026
92	HL.G15.29	2108	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600419	VP 53255	10/02/2026



Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
93	HL.G15.30	2109	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600420	VP 53259	10/02/2026
94	HL.G15.31	2110	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600421	VP 53261	10/02/2026
95	HL.G15.32	2111	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600422	VP 53263	10/02/2026
96	HL.G15.33	2112	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600423	VP 53265	10/02/2026
97	HL.G15.34	2113	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600424	VP 53267	10/02/2026
98	HL.G15.35	2114	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600815	VP 53269	10/02/2026
99	HL.G15.37	2116	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600426	VP 53271	10/02/2026
100	HL.G15.38	2117	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600427	VP 53273	10/02/2026
101	HL.G15.39	2118	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600428	VP 53275	10/02/2026
102	HL.G15.40	2119	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600429	VP 53277	10/02/2026
103	HL.G15.41	2120	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600430	VP 53279	10/02/2026
104	HL.G15.42	2121	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600431	VP 53281	10/02/2026
105	HL.G15.43	2122	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600432	VP 53283	10/02/2026
106	HL.G15.44	2123	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600433	VP 53285	10/02/2026
107	HL.G15.45	2124	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600434	VP 53287	10/02/2026
108	HL.G15.46	2125	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600435	VP 53289	10/02/2026
109	HL.G15.47	2126	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600436	VP 53291	10/02/2026
110	HL.G15.48	2127	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600437	VP 53301	10/02/2026
111	HL.G15.49	2128	37	110,00	80,50	234,90	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600438	VP 53303	10/02/2026
112	HL.G15.50	2129	37	237,40	124,30	360,30	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600439	VP 53305	10/02/2026
113	HL.G7.2	1836	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600816	VP 53499	11/02/2026
114	HL.G7.3	1837	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600872	VP 53511	11/02/2026
115	HL.G7.4	1838	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600818	VP 53515	11/02/2026
116	HL.G7.5	1839	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600819	VP 53528	11/02/2026
117	HL.G7.6	1840	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600820	VP 53534	11/02/2026
118	HL.G7.7	1841	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600821	VP 53544	11/02/2026
119	HL.G7.8	1842	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600822	VP 53550	11/02/2026
120	HL.G7.9	1843	37	150,00	76,30	233,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600823	VP 53558	11/02/2026
121	HL.G7.67	1901	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600824	VP 53564	11/02/2026
122	HL.G7.68	1902	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600825	VP 53572	11/02/2026
123	HL.G7.69	1903	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600826	VP 53580	11/02/2026
124	HL.G7.70	1904	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600827	VP 53588	11/02/2026



Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
125	HL.G7.71	1905	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600828	VP 53595	11/02/2026
126	HL.G7.72	1906	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600829	VP 53603	11/02/2026
127	HL.G7.73	1907	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600830	VP 53609	11/02/2026
128	HL.G7.74	1908	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600831	VP 53619	11/02/2026
129	HL.G7.75	1909	37	150,00	80,60	218,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600832	VP 53629	11/02/2026
130	HL.G18.1	2207	37	247,60	97,10	282,60	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600833	VP 53635	11/02/2026
131	HL.G18.2	2208	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600834	VP 53639	11/02/2026
132	HL.G18.3	2209	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600835	VP 53645	11/02/2026
133	HL.G18.4	2210	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600836	VP 53651	11/02/2026
134	HL.G18.5	2211	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600837	VP 53659	11/02/2026
135	HL.G18.6	2212	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600838	VP 53667	11/02/2026
136	HL.G18.7	2213	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600839	VP 53673	11/02/2026
137	HL.G18.8	2214	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600840	VP 53682	11/02/2026
138	HL.G18.9	2215	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600841	VP 53688	11/02/2026
139	HL.G18.10	2216	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600842	VP 53696	11/02/2026
140	HL.G18.11	2217	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600843	VP 53704	11/02/2026
141	HL.G18.12	2218	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600844	VP 53710	11/02/2026
142	HL.G18.13	2219	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600845	VP 53718	11/02/2026
143	HL.G18.14	2220	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600846	VP 53734	11/02/2026
144	HL.G18.15	2221	37	130,00	76,60	232,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600847	VP 53730	11/02/2026
145	HL.G18.16	2222	37	320,00	136,00	399,20	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600848	VP 53724	11/02/2026
146	HL.G18.17	2182	37	249,60	136,40	380,40	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600849	VP 53720	11/02/2026
147	HL.G18.18	2183	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600850	VP 53712	11/02/2026
148	HL.G18.19	2184	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600851	VP 53702	11/02/2026
149	HL.G18.20	2185	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600852	VP 53692	11/02/2026
150	HL.G18.21	2186	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600853	VP 53684	11/02/2026
151	HL.G18.22	2187	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600854	VP 53677	11/02/2026
152	HL.G18.23	2188	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600855	VP 53665	11/02/2026
153	HL.G18.24	2189	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600856	VP 53657	11/02/2026
154	HL.G18.25	2190	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600870	VP 53649	11/02/2026
155	HL.G18.26	2191	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600871	VP 53631	11/02/2026
156	HL.G18.27	2192	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600859	VP 53623	11/02/2026



Stt	Số lô - ô	Số thửa	Số tờ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Số tầng XD	Cấp công trình	Loại công trình	Số GCN	Số GCN vào sổ	Ngày cấp
157	HL.G18.28	2193	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600860	VP 53615	11/02/2026
158	HL.G18.29	2194	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600861	VP 53601	11/02/2026
159	HL.G18.30	2195	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600862	VP 53593	11/02/2026
160	HL.G18.31	2196	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600863	VP 53586	11/02/2026
161	HL.G18.32	2197	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600864	VP 53576	11/02/2026
162	HL.G18.33	2198	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600865	VP 53568	11/02/2026
163	HL.G18.34	2199	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600866	VP53560	11/02/2026
164	HL.G18.36	2201	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600867	VP 53554	11/02/2026
165	HL.G18.37	2202	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600868	VP 53546	11/02/2026
166	HL.G18.38	2203	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600545	VP 53536	11/02/2026
167	HL.G18.39	2204	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600487	VP 53525	11/02/2026
168	HL.G18.40	2205	37	110,00	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600486	VP 53521	11/02/2026
169	HL.G18.41	2206	37	121,60	80,30	216,70	3	III	Nhà ở riêng lẻ	AA 05600869	VP 53509	11/02/2026
Tổng cộng				23.623,80	13.745,20	42.198,40						

